

Nhìn lại công tác phân vùng ở Việt Nam

A Look back at Regionalization in Vietnam

> PGS.TS.KTS TRẦN TRỌNG HANH

Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

TÓM TẮT

Bài báo đánh giá ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phân vùng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Tổng quan quá trình phân vùng qua bốn thời kỳ lịch sử và chỉ ra những tồn tại, hạn chế của hệ thống phân vùng gồm 06 vùng hiện tại. Từ đó, đề xuất phương án điều chỉnh phân vùng cho giai đoạn chuyển đổi, gồm ba vùng lớn (Bắc, Trung, Nam) và 7 á vùng. Phương án này nhằm khắc phục hạn chế và thúc đẩy phát triển vùng bền vững, gắn với các đô thị trung tâm, giữ vai trò là trung tâm của vùng và á vùng. Nghiên cứu làm cơ sở cho quy hoạch, chính sách và đầu tư kết cấu hạ tầng vùng. Bài báo đồng thời trình bày phương án điều chỉnh phân vùng theo quyết định của Đảng ủy Chính phủ tại Thông báo số 65-TĐ/DU ngày 04/6/2025, làm cơ sở trình Bộ Chính trị xem xét quyết định để phục vụ cho việc điều chỉnh các quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Từ khóa: Vùng; phân vùng; quy hoạch vùng; liên kết vùng; phát triển bền vững.

ABSTRACT

The article assesses the significance and importance of regional planning in Vietnam's socio-economic development strategy. It provides an overview of the regional planning process through four historical periods, pointing out the existing shortcomings and limitations of the current six-region system. Based on this, it proposes a revised regional planning scheme for the transition period, comprising three major regions (North, Central, South) and 7 sub-regions. This scheme aims to overcome limitations and promote sustainable regional development, linked with central urban areas, that play the role of center of regions and subregions. The study serves as a basis for regional planning, policies, and infrastructure investment. The article also introduces the draft amendment to the system of socio-economic regions approved by the Government Party of Vietnam in Documentation No. 65-TĐ/DU of June 4, 2025, as a basis for reporting to the Political Bureau for consideration and decision to serve which serves as the basis for drafting amendments to regional plans for the period 2021-2030, with the Vision to 2050.

Keywords: Region; regionalization; regional Planning; regional links; sustainable development.

1. Ý NGHĨA VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC PHÂN VÙNG

Vùng được đề cập ở đây là vùng kinh tế - xã hội, lãnh thổ tích hợp, cấp quốc gia. Là một đơn vị không gian hoặc một khu vực lãnh thổ của quốc gia được đặc trưng bởi tính toàn vẹn, tính thống nhất và có đầy đủ các thành phần tác động, hỗ trợ lẫn nhau. Nó được hình thành bởi một tập hợp các đơn vị hành chính cấp tỉnh (đơn vị cơ sở), tiếp giáp với nhau, có các tính chất tương đồng và giữa chúng có các mối quan hệ tương hỗ ổn định, bền chặt, hợp tác; hoạt động vì mục tiêu chung xác định. Khoản 6 Điều 3 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã định nghĩa: "Vùng là một bộ phận lãnh thổ quốc gia bao gồm một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lân cận gắn với một số lưu vực sông hoặc có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, lịch sử, dân cư, kết cấu hạ tầng và có mối quan hệ tương tác tạo nên sự liên kết bền vững với nhau". Điều 110 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013) không quy định vùng là một thực thể, một cấp hành chính của quốc gia. Tuy vậy, vai trò và sứ mệnh của vùng là rất lớn đối với công tác chỉ đạo điều hành của Đảng, Nhà nước. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, phát triển kinh tế vùng đã được coi trọng theo định hướng "Lấy quy hoạch làm cơ sở quản lý phát triển vùng. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng và thể chế điều phối phát triển vùng đủ mạnh". [1,3,4,6].

Công tác phân vùng là sự phân chia lãnh thổ quốc gia thành các vùng trên cơ sở một tập hợp các đặc điểm được xác định với mục tiêu: (i) Lập quy hoạch vùng; (ii) Xây dựng các chính sách cơ chế thu hút các nguồn lực phát triển bền vững; (iii) Điều phối các hoạt động của các Bộ, ngành và chính quyền của các đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc vùng vốn có chung một vận mệnh để cùng nhau thống nhất về nhận thức, tư duy, hành động trong công tác quản trị vùng, nhằm thực hiện hiệu quả quy hoạch vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn, xung đột liên ngành, liên tỉnh giữa các bên liên quan. [5,6]

Công tác phân vùng là một bộ môn của Khoa học Địa lý. Xuất phát từ quan điểm Vùng là một đơn vị không gian hoặc là 01 hệ sinh thái gồm 02 phân hệ Tự nhiên và Xã hội, vùng được kiến tạo bởi các nhân tố hoặc bộ phận tạo vùng và mối quan hệ bền vững giữa chúng. Do đó, ở đầu kết thúc các mối quan hệ đó thì ở đó chính là ranh giới của vùng. Các phương pháp phân vùng thường áp dụng trên thế giới gồm: (i) Phương pháp đồng tính; (ii) Phương pháp Dentita (cành cây) dựa trên khoảng cách tính chất của các vùng; (iii) Phương pháp phân cực; (iv) Phương pháp tổng hợp thể sản xuất - lãnh thổ dựa trên sự liên kết vùng hoặc các chuỗi giá trị nội vùng để phân vùng. Tuy nhiên, ở Việt Nam việc phân vùng chủ yếu vẫn dựa vào phương pháp phân tích và định tính. [6]

Công tác phân vùng là cơ sở lập quy hoạch vùng, trong đó quy hoạch vùng là một loại quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia, nhằm cụ thể hóa các quy hoạch cấp quốc gia ở cấp vùng; xác định phương hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh,

bảo vệ môi trường có tính liên ngành và liên tỉnh. Quy hoạch vùng là cơ sở quản trị vùng; xây dựng các chính sách, cơ chế phát triển vùng, liên kết vùng và điều phối phát triển vùng; đầu tư xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng diện rộng đồng bộ và hiện đại tạo đột phá phát triển. [3]

Trên cơ sở hệ thống các vùng kinh tế - xã hội, trong thời gian qua quy hoạch các vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, căn cứ vào Kết luận số 127-KL/TW ngày 14/2/2025 của Bộ Chính trị và Quyết định số 759-QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ, hệ thống các vùng kinh tế - xã hội hiện nay không còn phù hợp, cần phải được phân tích, đánh giá tổng quan một cách toàn diện để lựa chọn phương án điều chỉnh phân vùng cho phù hợp. [2,9]

2. TỔNG QUAN CÔNG TÁC PHÂN VÙNG Ở VIỆT NAM

2.1. Thời kỳ 1954-1975

Tháng 9/1955, thành lập khu tự trị Thái Mèo và đến 1962 được đổi thành khu tự trị Tây Bắc gồm các tỉnh: Lào Cai, Sơn La, Nghĩa Lộ. Năm 1956, thành lập khu tự trị Tây Bắc gồm các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên và huyện Hữu Lũng (Bắc Giang).

Giai đoạn 1960-1975, Giáo sư Trần Đình Giám, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã đề xuất phương án chia nước ta thành 02 vùng kinh tế cơ bản gồm ba cấp phân vị: (i) Vùng kinh tế lớn; (ii) Vùng kinh tế hành chính tỉnh hoặc liên tỉnh; (iii) Vùng kinh tế cơ sở huyện hoặc liên huyện.

Trong thời kỳ này, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Nông nghiệp đã chia miền Bắc thành 04 vùng: (i) Vùng Tây Bắc; (ii) Vùng Đông Bắc; (iii) Vùng Đồng bằng sông Hồng; (iv) Vùng khu bốn cũ.

2.2. Thời kỳ 1975-1986

Giai đoạn 1975-1977, Chính phủ quyết định thành lập 07 vùng nông nghiệp gồm: (i) Vùng Đồng bằng sông Hồng; (ii) Vùng núi và Trung du Bắc Bộ; (iii) Vùng khu bốn cũ; (iv) Vùng duyên hải Nam Trung Bộ; (v) Vùng Tây Nguyên; (vi) Vùng Đông Nam Bộ; (vii) Vùng ĐBSCL.

Năm 1976, Viện Phân vùng quy hoạch Trung ương kiến nghị phương án chia nước ta thành 08 vùng: (i) Vùng Đồng Bằng và Trung du Bắc Bộ; (ii) Vùng Quảng Ninh; (iii) Vùng Tây Bắc; (iv) Vùng Cao Bằng - Lạng Sơn - Bắc Thái; (v) Vùng Thanh Hóa - Nghệ Tĩnh - Bình Trị Thiên; (vi) Vùng Tây Nguyên và duyên hải Trung Bộ; (vii) Vùng Đông Nam Bộ; (viii) Vùng ĐBSCL.

Năm 1982, với sự trợ giúp của chuyên gia Liên Xô trong việc nghiên cứu Tổng sơ đồ phân bố lực lượng sản xuất giai đoạn 1986-2000, Ủy ban phân vùng KTTW đã chia nước ta thành 04 vùng kinh tế cơ bản gồm: (i) Vùng kinh tế Bắc Bộ; (ii) Vùng kinh tế Bắc Trung Bộ; (iii) Vùng kinh tế Nam Trung Bộ; (iv) Vùng kinh tế Nam Bộ. Trong quá trình nghiên cứu phân vùng đã có nhiều phương án tham gia gồm: (1) Phương án của Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, chia nước ta thành 02 vùng kinh tế lớn và 04 á vùng; (2) Phương án của Đoàn Đình Hòe đã chia nước ta thành 03 vùng; (i) Vùng Bắc Bộ; (ii) Vùng Trung Bộ; (iii) Vùng Nam Bộ như cách chia nước ta thành 03 kỳ của thực dân Pháp. (3) Phương án của Bộ môn Địa lý Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế đã chia nước ta thành 04 vùng: (i) Vùng Bắc Bộ; (ii) Vùng Thanh - Nghệ Tĩnh; (iii) Vùng Quảng Nam - Đà Nẵng, Đắc Lắc, Phú Khánh; (iv) Vùng Thuận Hải - Lâm Đồng - Sông Bé và các tỉnh còn lại. (4) Phương án của Ban Địa lý, Ủy ban Khoa học Xã hội đã chia nước ta thành 05 vùng: (i) Vùng Bắc Bộ; (ii) Vùng Bắc Trung Bộ; (iii) Vùng Bắc Trung Bộ - Bắc Tây Nguyên; (iv) Vùng Nam Tây Nguyên - Nam Trung Bộ; (v) Vùng Nam Bộ. (5) Phương án của chuyên gia Nguyễn Xuân Ngọc đã chia nước ta thành 04 vùng.

2.3. Thời kỳ 1986-2006

Giai đoạn 1980-1990, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đã có phương án chia nước ta thành 08 vùng: (i) Vùng Đông Bắc; (ii) Vùng Tây Bắc; (iii) Vùng Đồng Bằng Sông Hồng; (iv) Vùng Bắc Trung Bộ; (v) Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ; (vi) Vùng Tây Nguyên; (vii) Vùng Đông Nam Bộ; (ix) Vùng ĐBSCL. Ngoài 08 vùng kinh tế lớn, còn có ba vùng kinh tế trọng điểm là: (i) Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; (ii) Vùng kinh tế trọng điểm miền Nam; (iii) Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

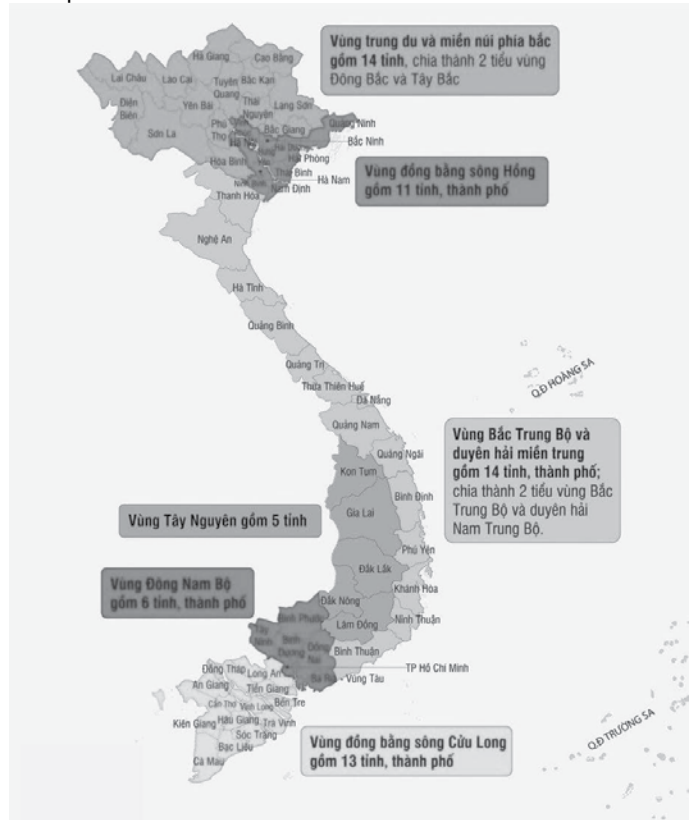
Năm 1991, Chiến lược ổn định phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 đã chia nước ta thành ba vùng: (i) Vùng Đồng Bằng; (ii) Vùng Trung du và Miền núi; (iii) Vùng Biển và hải đảo.

Năm 2001, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, xác định nước ta chia thành 06 vùng kinh tế - xã hội: (i) Vùng Trung du và miền núi phía Bắc; (ii) Vùng Đồng bằng sông Hồng; (iii) Vùng Duyên hải miền Trung; (iv) Vùng Tây Nguyên; (v) Vùng Đông Nam Bộ; (vi) Vùng ĐBSCL và 03 vùng kinh tế trọng điểm Bắc, Trung, Nam.

2.4. Thời kỳ từ năm 2006 đến nay

Phương án 06 vùng kinh tế - xã hội vẫn được duy trì. Năm 2006, Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ quyết định 06 vùng kinh tế - xã hội và 04 vùng kinh tế trọng điểm.

Năm 2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 bổ sung thêm 01 vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.



Hình 1. Hiện trạng các vùng KT - XH của Việt Nam

(Nguồn: Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)

Theo đề nghị của Bộ Xây dựng, năm 1998 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 10/1998/QĐ-TTg ngày 23/01/1998 phê duyệt Định hướng quy hoạch tổng thể Việt Nam, trong đó nước ta được chia thành 10 vùng đô thị theo phương pháp phân cực gồm: (i) Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng; (ii) Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Trung Trung Bộ; (iii) Vùng ĐBSCL; (iv) Vùng Nam Trung

Bộ; (v) Vùng Tây Nguyên; (vi) Vùng Bắc Trung Bộ; (vii) Vùng Nam Trung Bộ; (viii) Vùng Tây Bắc; (ix) Vùng Đông Bắc; (x) Vùng Lào Cai - Yên Bái - Hà Giang - Tuyên Quang - Vĩnh Phú. Năm 2009, tại Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ đã điều chỉnh lại 06 vùng đô thị phù hợp với 06 vùng kinh tế - xã hội thay cho 10 vùng trước đó.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã quyết định 06 vùng kinh tế - xã hội, như quy định tại Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngày 25/10/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã bổ sung 04 vùng động lực phía Bắc, phía Nam, miền Trung và ĐBSCL và một số hành lang kinh tế Bắc - Nam, Đông - Tây. (Hình 1)

2.5. Phương án điều chỉnh phân vùng theo nghiên cứu của tác giả

Căn cứ các kết quả nghiên cứu xây dựng phương án điều chỉnh phân vùng của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2015; căn cứ bối cảnh hiện nay, tác giả kiến nghị phương án điều chỉnh phân vùng của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với nội dung chủ yếu sau:

2.5.1. Bối cảnh và những chính sách có tác động đến công tác phân vùng của nước ta

a) Bối cảnh quốc tế:

Bối cảnh quốc tế đang diễn biến phức tạp trước sự cạnh tranh giữa các nước lớn, sự trỗi dậy của chủ nghĩa cực đoan. Cuộc cách mạng 4.0 tạo thời cơ và thách thức lớn đối với mọi quốc gia. Hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững vẫn là xu thế lớn, nhưng đang đứng trước nhiều trở ngại. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương tiếp tục phát triển năng động và là địa bàn cạnh tranh chiến lược. Tác động của chiến tranh, ô nhiễm môi trường, BĐKH, thiên tai, dịch bệnh tiềm ẩn nhiều nguy cơ, tạo ra thách thức lớn cho toàn nhân loại.

b) Bối cảnh trong nước:

- Việt Nam chính thức bước vào Kỷ nguyên mới với 07 định hướng lớn: (i) Cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng; (ii) Tăng cường tính Đảng trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCH của Dân, do Dân và vì Dân; (iii) Tinh gọn tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả; (iv) Chuyển đổi số; (v) Chống lãng phí; (vi) Cán bộ và công tác cán bộ; (viii) Tăng trưởng và phát triển kinh tế đột phá.

- Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức lại bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Nghị quyết số 57-NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, xác định tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam có quy mô nền kinh tế số đủ lớn.

- Chủ trương sáp nhập địa giới hành chính một số tỉnh, thành phố, tạo dư địa phát triển theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 14/2/2025 của Bộ Chính trị về tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Chủ trương trên đã được Ban Chấp hành Trung ương thông qua tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 tại Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII. Tiếp sau đó, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 về Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tập trung sửa đổi và hoàn thiện thể chế, trước hết là hệ thống chính sách, pháp luật, trong đó có sửa đổi Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Quy hoạch và Đầu tư (Luật số 07/2024/QH15), Luật Quy hoạch đô thị & nông thôn (Luật số 47/2024/QH15) và một số Luật khác liên quan.

2.5.2. Một số tồn tại, hạn chế của phương án phân vùng hiện nay

a) Việt Nam là một quốc gia nhỏ, diện tích tự nhiên chỉ bằng một tỉnh của những nước lớn; nhưng có số lượng vùng quá nhiều, dẫn đến

phân tán các nguồn lực và sự chỉ đạo dàn trải, không tập trung. Các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc và Nhật là những quốc gia có nền kinh tế hàng đầu thế giới, nhưng cũng chỉ có 04 vùng.

b) Việt Nam là quốc gia có 3260 km² bờ biển, với diện tích thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn hàng triệu km², nhưng có đến 02 vùng kinh tế - xã hội là vùng Trung du Miền núi phía Bắc và Vùng Tây Nguyên không thể tiếp cận trực tiếp được biển.

c) Một số vùng liên kết lỏng lẻo như vùng Trung du Miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ - Duyên hải Miền Trung và vùng Tây Nguyên, không đảm bảo điều kiện quản trị, hợp tác liên tỉnh, thành phố tạo ra các phức hợp lãnh thổ với các chuỗi giá trị có ý nghĩa, về kinh tế, văn hóa, xã hội và khai thác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Tỉnh Thanh Hóa liên kết với khu vực Tây Bắc mạnh hơn, nhưng lại bố trí ở vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung xem ra chưa phù hợp. Tỉnh Long An liên kết với vùng Đông Nam Bộ mạnh hơn, đặc biệt gắn với Tây Ninh trong lưu vực hệ thống sông Vàm Cỏ lại bố trí ở vùng ĐBSCL là không phù hợp.

d) Các vùng và á vùng thiếu các đô thị lớn, giữ vai trò làm đầu mối, hạt nhân dẫn dắt sự phát triển toàn vùng. Quản trị vùng còn nặng về hình thức, chưa đi vào thực chất. Tính phân cực và liên kết nội vùng còn hạn chế.

e) Sự sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị là tiền đề điều chỉnh phạm vi, ranh giới và quy mô các vùng hiện có vốn có quy mô rất nhỏ bé, không phù hợp với chủ trương tinh gọn và xu hướng phân bố, phát triển lực lượng sản xuất, các nguồn lực phát triển vùng.

2.5.3. Kiến nghị phương án điều chỉnh vùng của Việt Nam

a) Mục tiêu

- Khắc phục và sửa chữa 05 tồn tại, hạn chế hiện có của hệ thống 06 vùng quốc gia.

- Hình thành các vùng kinh tế - xã hội tích hợp như là một phức hợp lãnh thổ dựa trên các tiêu chí phân vùng: (i) Tập hợp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW lân cận, có cùng tính chất và quan hệ mật thiết; (ii) Gắn với lưu vực sông chính; (iii) Có tính chất tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, lịch sử - văn hóa, địa lý, phong thổ, kết cấu hạ tầng; (iv) Có mối quan hệ tương tác, khách quan, ổn định, bền vững; (v) Trung tâm vùng và á vùng là các thành phố lớn, cực lớn có ý nghĩa quốc gia và toàn cầu; (vi) Ranh giới từng vùng phù hợp với phương án phân chia địa giới hành chính; (vii) Quy mô vùng đủ lớn, cho phép tạo ra sự phát triển cân bằng giữa các miền Bắc, Trung, Nam trước mắt và lâu dài.

- Làm cơ sở để lập lại Quy hoạch vùng, thúc đẩy sự hình thành mạng lưới thành phố quốc gia, toàn cầu, đảm nhiệm vai trò trung tâm vùng và phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng diện rộng hiện đại, đồng bộ và bền vững cho từng vùng và cả nước; đồng thời giảm đi sự đầu tư dàn trải, để tập trung nguồn lực tạo ra những khu vực có tiềm năng, lợi thế làm hạt nhân, đầu tàu dẫn dắt kinh tế vùng và kinh tế quốc dân hiệu quả.

b) Kiến nghị phương án điều chỉnh phân vùng

Trên cơ sở áp dụng các phương pháp phân vùng hiện đại như phương pháp đồng tính, phân cực và mô hình THSXL, có xem xét yếu tố lịch sử - văn hóa vùng miền và yếu tố địa lý phong thổ học, phương án điều chỉnh phân vùng cụ thể như sau:

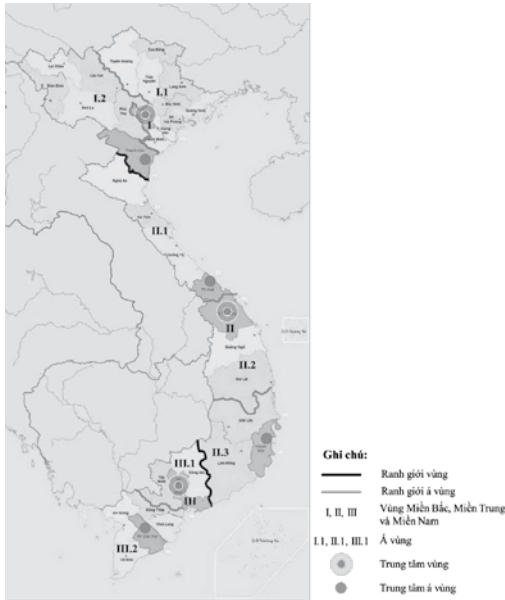
- Số lượng các vùng: 03 vùng gồm: (I) Vùng miền Bắc; (II) Vùng miền Trung; Vùng miền Nam.

- Số lượng các á vùng: 07 á vùng gồm:

+ Vùng I: Vùng miền Bắc gồm 02 á vùng: I.1, trung tâm là Thủ đô Hà Nội và I.2; trung tâm là Thanh Hóa.

+ Vùng II: Vùng miền Trung gồm 03 á vùng: II.1, trung tâm là TP Huế; II.2, trung tâm là TP Đà Nẵng; II.3, trung tâm là Khánh Hòa.

+ Vùng III: Vùng miền Nam gồm 02 á vùng: III.1, trung tâm là TP.HCM và III.2, trung tâm là TP Cần Thơ. [6] (Hình 2)



Hình 2. Phương án điều chỉnh phân vùng [5]

Bảng 1: Phương án điều chỉnh phân vùng Việt Nam

STT	Vùng	Quy mô		Các tỉnh, thành Trung ương theo KL 127-KLTW và các á vùng	Trung tâm vùng
		Diện tích (km ²)	Dân số (1000ng)		
I	Vùng miền Bắc (16 tỉnh, thành phố)	127.461,400	39.872	1. Thủ đô Hà Nội. 2. TP Hải Phòng. 3. Quảng Ninh. 4. Hưng Yên. 5. Ninh Bình. 6. Tuyên Quang. 7. Thái Nguyên. 8. Bắc Ninh. 9. Lạng Sơn. 10. Cao Bằng (á vùng I.1). 11. Sơn La. 12. Lai Châu. 13. Điện Biên. 14. Lào Cai. 15. Phú Thọ. 16. Thanh Hóa. (á vùng I.2)	Thủ đô Hà Nội
II	Vùng miền Trung (10 tỉnh, thành phố)	139.347,100	25.088	1. Nghệ An. 2. Hà Tĩnh. 3. Quảng Trị. 4. TP Huế (á vùng II.1). 5. TP Đà Nẵng. 6. Quảng Ngãi. 7. Gia Lai (á vùng II.2). 8. Khánh Hòa. 9. Đắk Lắk. 10. Lâm Đồng (á vùng II.3)	TP Đà Nẵng
III	Vùng miền Nam (8 tỉnh, thành phố)	64.146,100	36.153	1. TP.HCM. 2. Đồng Nai. 3. Tây Ninh (á vùng III.1). 4. TP Cần Thơ. 5. Vĩnh Long. 6. Đồng Tháp. 7. An Giang. 8. Cà Mau (á vùng III.2)	TP.HCM



Hình 3. Dự kiến phương án điều chỉnh phân vùng - Các tỉnh, thành phố tạo vùng và diện tích dân số năm 2024. (Bảng 1)

3. DỰ KIẾN ĐỊNH HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH PHÂN VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI

3.1. Các phương án định hướng điều chỉnh phân vùng theo đề nghị của Đảng ủy Bộ Tài chính

Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành TW Đảng Khóa XIII và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/4/2025, Đảng ủy Bộ Tài chính đã có văn bản số 155/BC-BCT về điều chỉnh phương án phân vùng, trong đó đã đề xuất phân thành 06 vùng với 02 phương án. [7]

3.2. Định hướng điều chỉnh phân vùng theo Quyết định của Đảng ủy Chính phủ

Ngày 04/6/2025 tại Thông báo số 65-TB/ĐU của Đảng ủy Chính phủ về định hướng điều chỉnh phân vùng và điều chỉnh quy hoạch vùng kinh tế - xã hội đã quyết định lựa chọn phương án 2 nêu tại Báo cáo của Đảng ủy Bộ Tài chính để làm cơ sở báo cáo Bộ Chính trị xem xét quyết định, theo đó Việt Nam được chia thành 06 vùng như sau:

3.2.1. *Vùng Trung du và miền núi phía Bắc* gồm 9 tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La.

3.2.2. *Vùng Đồng bằng sông Hồng* gồm 6 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh, Quảng Ninh.

3.2.3. *Vùng Bắc Trung Bộ* gồm 5 tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế.

3.2.4. *Vùng Nam Trung Bộ* (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên) gồm 6 tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng.

3.2.5. *Vùng Đông Nam Bộ* gồm 3 tỉnh, thành phố: TP.HCM, Đồng Nai, Tây Ninh.

3.2.6. *Vùng Đồng bằng sông Cửu Long* gồm 5 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau. (Hình 3)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2020), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.
- [2]. Bộ Chính trị (2025), Kết luận số 127-KL/TW ngày 14/2/2025 về tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
- [3]. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
- [4]. Quốc hội (2017), Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14.
- [5]. Trần Trọng Hanh (2015), Quy hoạch vùng.
- [6]. Trần Trọng Hanh (2015), Nghiên cứu đề xuất hệ thống các vùng, lãnh thổ của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- [7]. Bộ Tài chính (2025), Văn bản số 155/BC-BCT ngày 23/4/2025 của Đảng ủy Bộ Tài chính về điều chỉnh phương án phân vùng và định hướng điều chỉnh quy hoạch các vùng KT-XH phù hợp với định hướng sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- [8]. Đảng ủy Chính phủ (2025), Thông báo số 65-TB/ĐU ngày 04/6/2025 về kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ về định hướng điều chỉnh phân vùng kinh tế - xã hội.
- [9]. Thủ tướng Chính phủ (2025), Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 về Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.